CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Đầu tư BIG Group Holdings

Ngày 31/12/2025	6,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-4.8%	**22.4%**	**9.1%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	3,797 - 6,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	96
Số lượng CPLH (CP)	15,989,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)	277,435
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.65
EPS	2,285
P/E	2.6

DT thuần
Q4/25
234
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 151| 181%

LN thuần
Q4/25
41.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 39.4| 2177%

LN sau thuế
Q4/25
33.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 31.7| 2341%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
10.7%
YoY: +/-▲ 6.8%

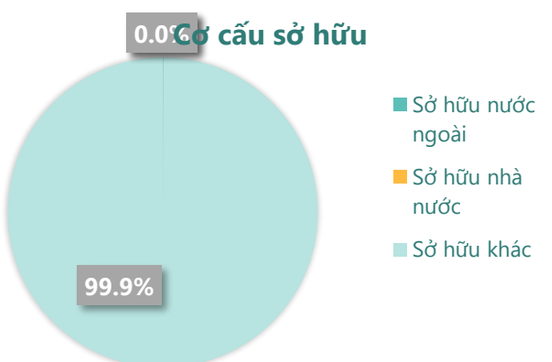
ROE
2025
19.4%
YoY: +/-▲ 10.6%

DT thuần
2025
526
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 62.0| 13.3%

LN thuần
2025
45.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 34.4| 297%

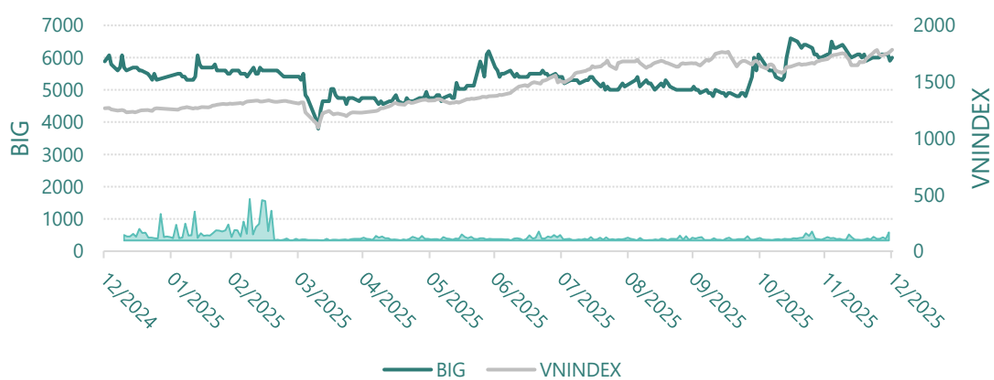
LN sau thuế
2025
36.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 26.7| 273%

Cơ cấu sở hữu

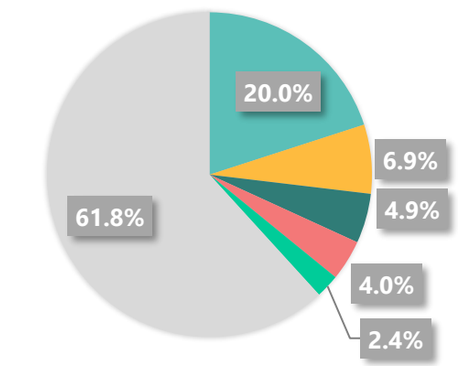


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

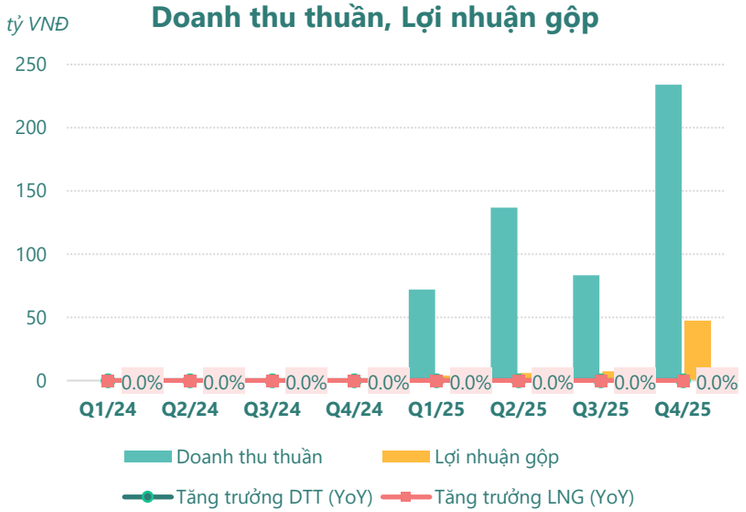


- Võ Phi Nhật Huy (Chủ tịch HĐQT)
- Trần Sinh Vương
- Công ty TNHH Công nghệ y tế Metacare
- CTCP Đầu tư HVA
- Kiều Văn Khoa (Phó Chủ tịch HĐQT)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

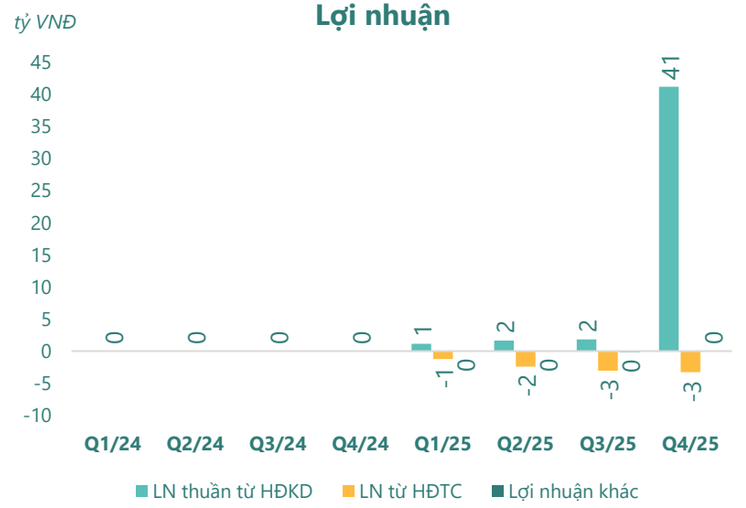
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



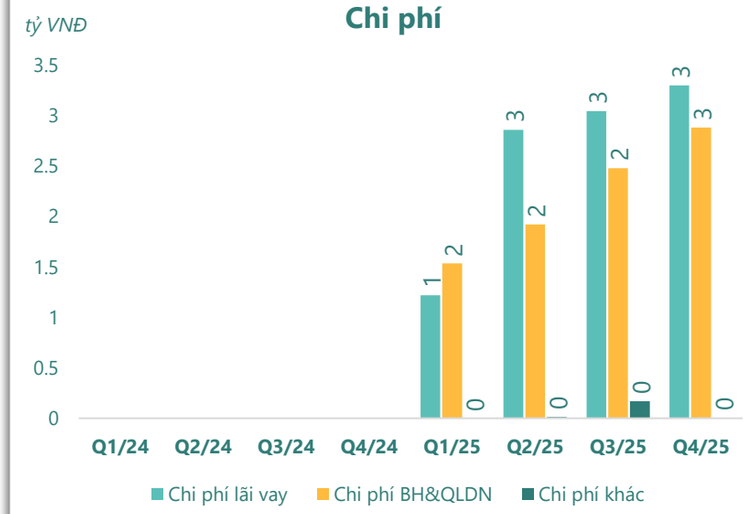
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



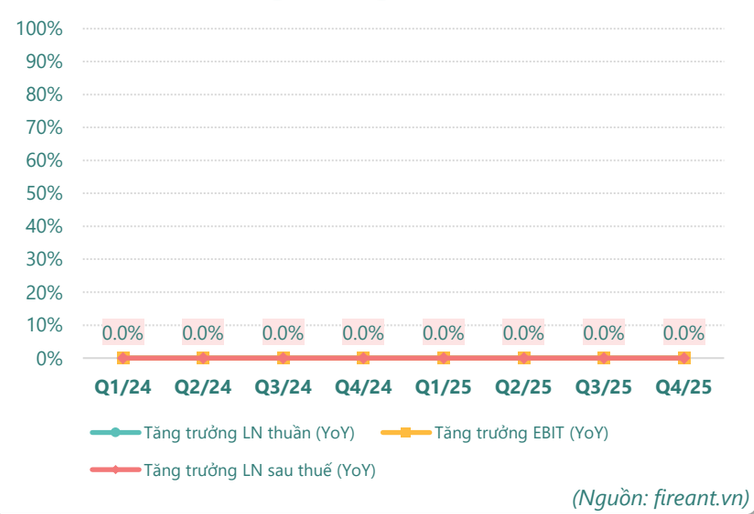
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



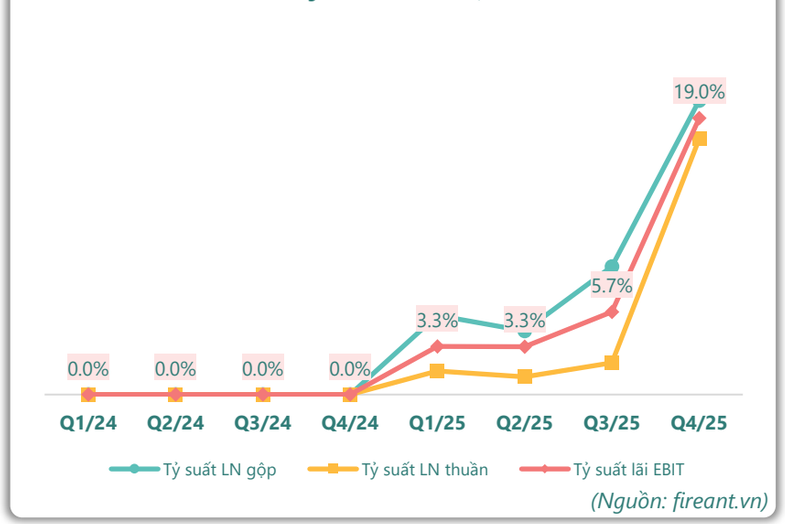
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



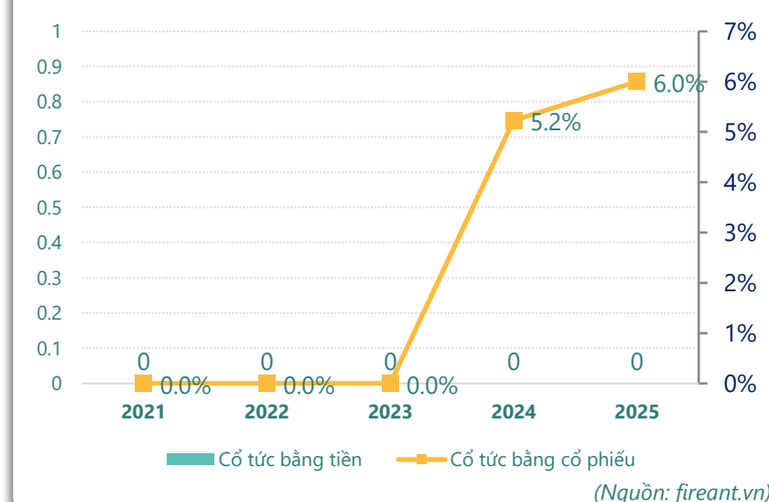
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

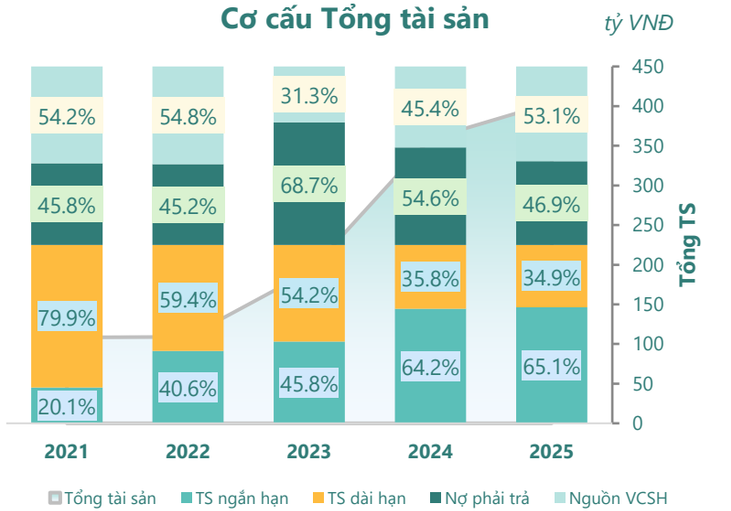
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

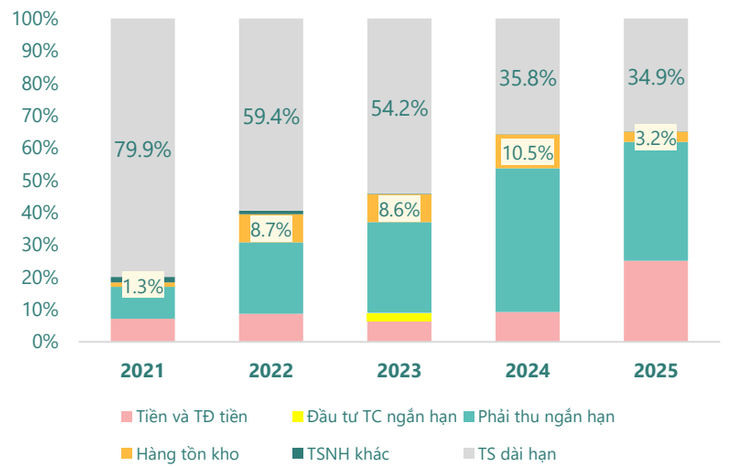
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



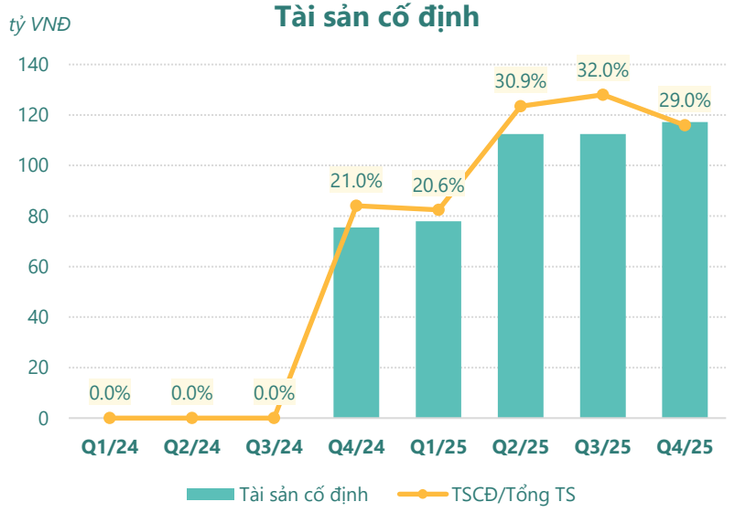
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



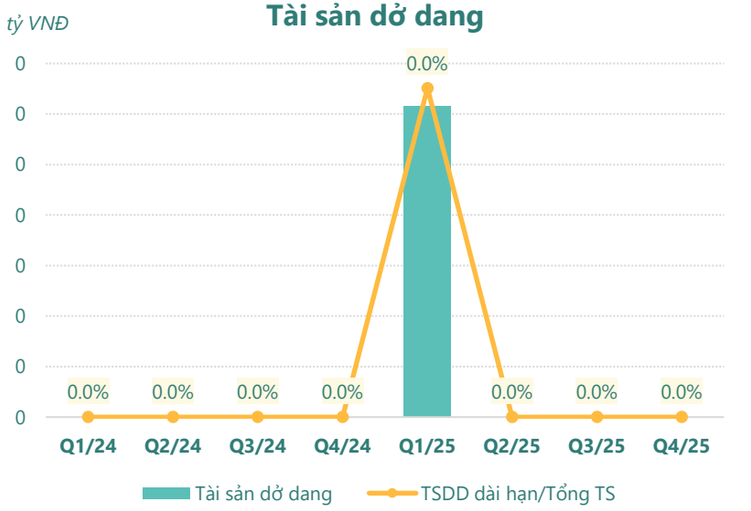
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



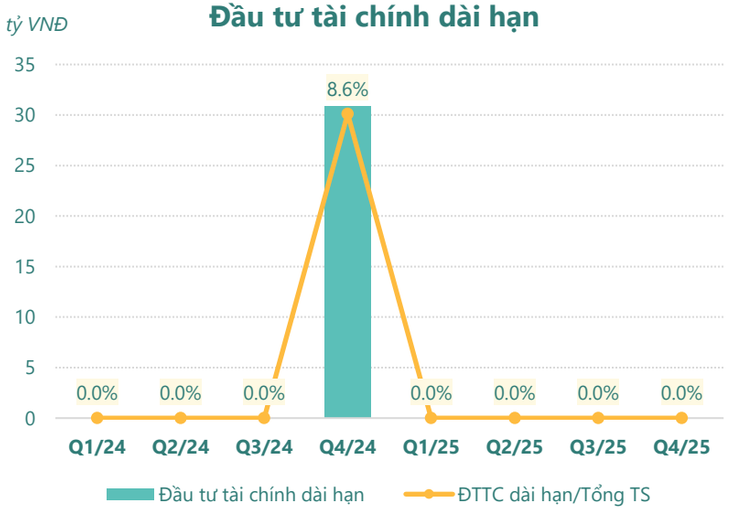
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



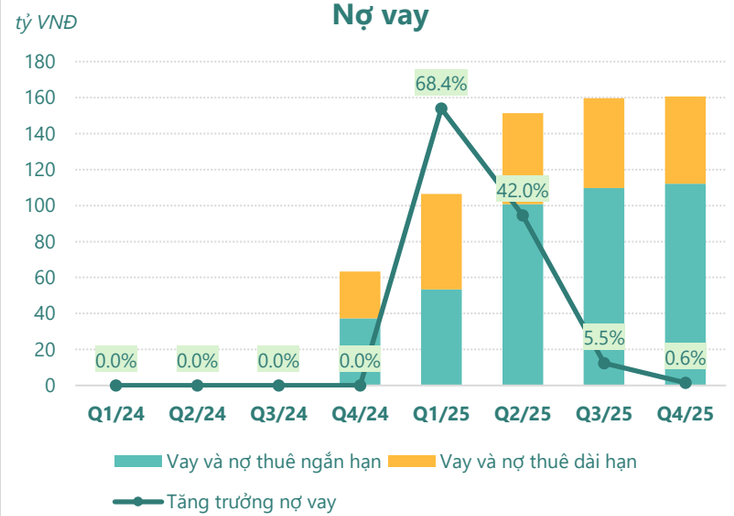
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

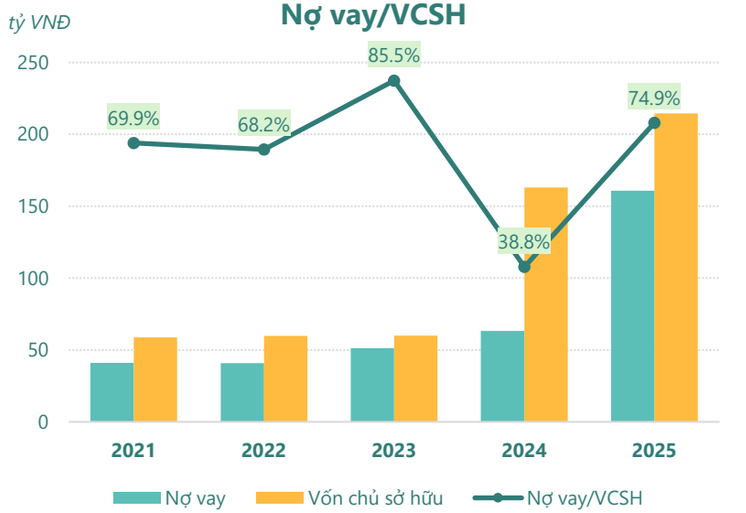
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

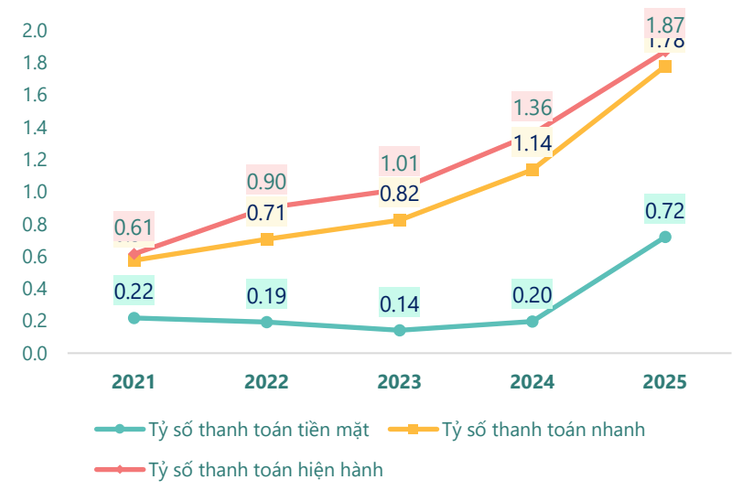
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



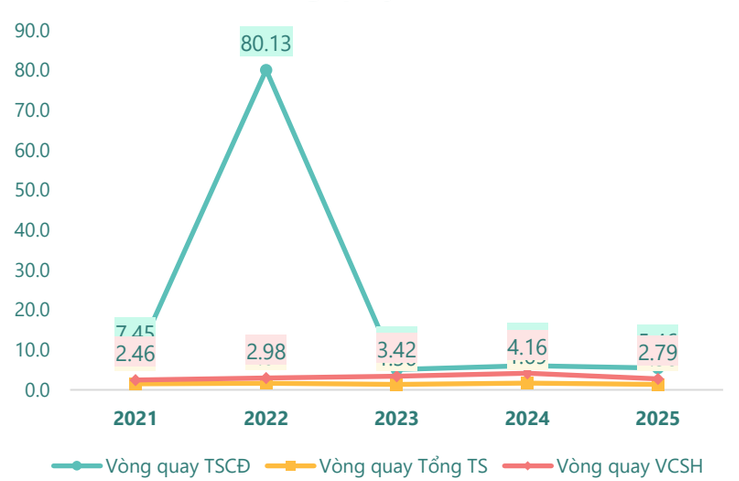
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



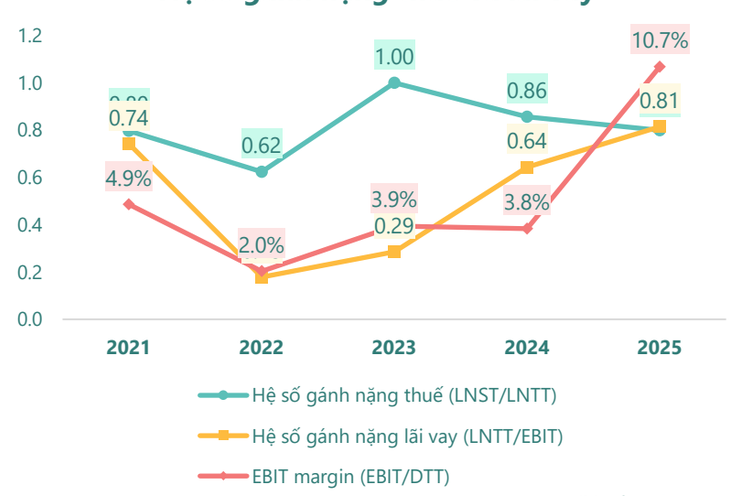
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



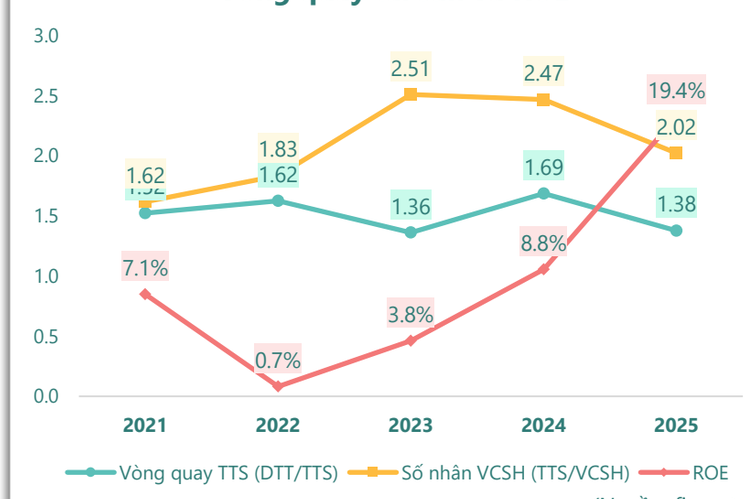
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



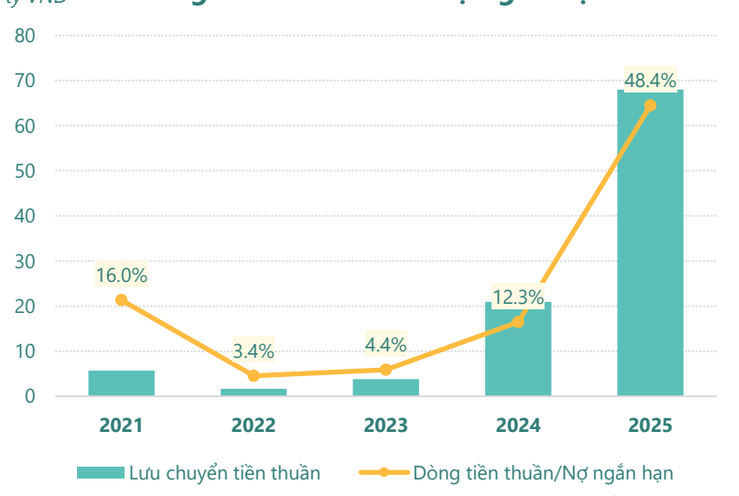
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**234**			**526**	**464**	**13.3%**
Giá vốn hàng bán	187			461	443	4.2%
Lợi nhuận gộp	47.4			64.7	21.3	203%
Doanh thu HĐTC	0.00			0.45	2.08	-78.3%
Chi phí TC	3.30			10.4	6.29	65.9%
Chi phí lãi vay	3.30			10.4	6.34	64.5%
LN trong công ty LKLD	**0**			**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0.99			2.68	1.88	42.3%
Chi phí QLDN	**1.89**			**6.14**	**3.68**	**67.0%**
LN thuần từ HĐKD	41.2			45.9	11.5	297%
Lợi nhuận khác	**0.02**			**-0.11**	**-0.09**	**-28.6%**
LN trước thuế	41.2			45.7	11.5	299%
Lợi nhuận sau thuế	**33.0**			**36.5**	**9.80**	**273%**
LNST của CĐ cty mẹ	**32.9**			**36.5**	**9.80**	**273%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0	0	-76.6	-13.5	-6.57	61.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	16.5	-20.2	-0.66	-5.33
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	43.3	44.8	8.36	16.0
Tiền đầu kỳ	0	0	33.2	16.4	27.5	28.6
Lưu chuyển tiền thuần	**0**	**0**	**-16.8**	**11.1**	**1.14**	**72.6**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0	0	16.4	27.5	28.6	101

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**404**	**359**	**12.6%**
Tài sản ngắn hạn	263	230	14.1%
Tiền và tương đương tiền	101	33.2	205%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	149	159	-6.8%
Hàng tồn kho	12.9	37.6	-65.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.21	0.16	29.3%
Tài sản dài hạn	**141**	**129**	**9.8%**
Phải thu dài hạn	2.18	0.64	241%
Tài sản cố định	117	75.5	55.3%
Bất động sản đầu tư	20.4	20.7	-1.8%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	30.9	-100%
Tài sản dài hạn khác	**1.46**	**0.84**	**74.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	190	196	-3.2%
Nợ ngắn hạn	**141**	**170**	**-17.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	112	37.3	200%
Phải trả người bán ngắn hạn	10.5	128	-91.8%
Nợ dài hạn	49.0	26.2	87.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	48.6	26.0	87.3%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**215**	**163**	**31.6%**
Vốn chủ sở hữu	**215**	**163**	**31.6%**
Vốn điều lệ	160	151	6.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)